BAOVIET Holdings

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: 716/2026/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ Luật Quản lý, đầu tư và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Ngày 14 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý, đầu tư và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15). Theo Điều 2 của Luật, đối tượng áp dụng bao gồm "Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp". Như vậy, Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật số 68/2025/QH15.

Khoản 1 Điều 59, Luật số 68/2025/QH15 quy định: "*Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có trách nhiệm rà soát, ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành điều lệ được sửa đổi, bổ sung; quy chế tài chính; quy chế nội bộ của doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này; việc ban hành phải hoàn thành* ***trước ngày 31 tháng 12 năm 2026***.

Điều lệ Tập đoàn đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung và trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Tập đoàn. Do đó, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt là cần thiết để bảo đảm phù hợp với Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật nêu trên, trong đó tập trung vào các nhóm nội dung chính sau:

- Sửa đổi, bổ sung hệ thống thuật ngữ nhằm bảo đảm thống nhất với Điều lệ Tập đoàn, mô hình tổ chức hiện hành và các quy định pháp luật mới có liên quan;

- Cập nhật các nguyên tắc quản trị công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, công bố thông tin minh bạch, kịp thời và đầy đủ.

Tel (+84 24) 3928 9999 | Fax (+84 24) 3928 9609 | Email service@baoviet.com.vn
www.baoviet.com.vn

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác của Quy chế để bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và thực tiễn quản trị, điều hành tại Tập đoàn.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Các nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn lần thứ 5 theo *Phụ lục. Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt lần thứ 5* đính kèm Tờ trình này.

2. Chi tiết Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 5) đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Q. CHỦ TỊCH

Nguyễn Thừa Nhật

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGĐ;
- Lưu: VT, VP.

PHỤ LỤC. BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (LẦN THỨ 5)

(Kèm theo Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 716/2026/TTr-HĐQT ngày 05 / 06/2026 của Hội đồng quản trị Tập đoàn về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 5))

Nguyên tắc trình bày: Trong Bảng giải trình sửa đổi này, những nội dung bổ sung là những nội dung được in đậm, in nghiêng (***aaa***); những nội dung lược bỏ là những nội dung gạch ngang (~~aaa~~).

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điều 1. Mục đích, đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng	2. Quy chế được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp, Người Đại diện của Tập đoàn và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.	2. Quy chế được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp~~,~~ ***và*** Người Đại diện của Tập đoàn ~~và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ~~***tại các Công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn***.	Sửa đổi bổ sung phạm vi áp dụng để đảm bảo phù hợp với các quy định của Quy chế.
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ	*"Tập đoàn Bảo Việt"* hoặc *"Tập đoàn"* là Công ty Mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.	*"Tập đoàn Bảo Việt"* hoặc *"Tập đoàn"* là Công ty Mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư ***(nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính)*** Thành phố Hà Nội cấp.	Sửa đổi để phù hợp với thực tế.
3	Điều 2. Giải thích từ ngữ	*Công ty liên kết* là doanh nghiệp mà Tập đoàn không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa	*Công ty liên kết* là doanh nghiệp mà Tập đoàn ***Bảo Việt nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Công ty con từ 20% đến dưới 50% tổng vốn điều lệ hoặc tổng số cổ***	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp theo quy định tại Phụ lục II Thông tư

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn.	***phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó mà không có thỏa thuận khác và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Tập đoàn.*** ~~không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn.~~	99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.
4	Điều 2. Giải thích từ ngữ	*Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn.	*Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn ***và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm***.	Sửa đổi theo ý kiến Bộ Tài chính và đảm bảo phù hợp với Điều lệ Tập đoàn.
5	Điều 2. Giải thích từ ngữ	*Người quản lý doanh nghiệp* được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Tập đoàn, Kế toán trưởng Tập đoàn	*Người quản lý doanh nghiệp* ~~được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, bao gồm~~ ***là*** Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc~~,~~ ***và*** Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn~~, Kế toán trưởng Tập đoàn~~.	Sửa đổi theo ý kiến Bộ Tài chính và đảm bảo phù hợp với Điều lệ Tập đoàn.
6	Điều 2. Giải thích từ ngữ	*Luật Chứng khoán* là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, thay thế tại từng thời điểm. *Nghị định 155* là Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020	*Luật Chứng khoán* là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ***được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua*** ngày 26/11/2019 ***và được sửa đổi, bổ sung,*** thay thế tại từng thời điểm. ~~*Nghị định 155* là Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán~~	Bỏ do không nhắc đến trong toàn bộ văn bản

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán		
7	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Người Đại diện là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền (quyết định hoặc hợp đồng ủy quyền), có thể được Tập đoàn cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn, được ủy quyền thay mặt Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách là Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn.	*Người Đại diện* ***là các cá nhân được Tập đoàn ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền và trách nhiệm của Tập đoàn đối với phần vốn của Tập đoàn đầu tư tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư có vốn góp của Tập đoàn.*** ~~là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền (quyết định hoặc hợp đồng ủy quyền), có thể được Tập đoàn cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn, được ủy quyền thay mặt Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách là Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn.~~	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với cách định nghĩa Điều 3 Giải thích từ ngữ của Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
8	Điều 3. Nguyên tắc quản trị	2. Các nguyên tắc quản trị Tập đoàn bao gồm a. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; b. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; c. Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan; d. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các Cổ đông;	***2. Việc quản trị của Tập đoàn tuân thủ quy định của pháp luật và các nguyên tắc sau đây:*** ***a. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;*** ***b. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Tập đoàn và cổ đông;*** ***c. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;*** ***d. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt***	Viết lại nội dung này theo quy định tại Điều 40 Luật Chứng khoán để đảm bảo phù hợp với việc quản trị của Công ty đại chúng.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		e. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tập đoàn.	***động quản trị Tập đoàn;*** ***e. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Tập đoàn;*** ***f. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Tập đoàn; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng***	
9	Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông	Cổ đông có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan. Ngoài ra Cổ đông có các quyền sau đây: a. Quyền được đối xử công bằng; b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tập đoàn công bố theo quy định của pháp luật.	Cổ đông có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan. ~~Ngoài ra Cổ đông có các quyền sau đây:~~ ~~a. Quyền được đối xử công bằng;~~ ~~b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tập đoàn công bố theo quy định của pháp luật.~~	Bỏ do nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán.
10	Điều 6. Đại hội đồng cổ đông	2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: k) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ	Bỏ nội dung trình bày chi tiết do Điểm k Khoản 2 Điều 6 Quy chế đã tham chiếu đến quy định tại Điều 132 Luật Doanh

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		k) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp): - Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tập đoàn hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Tập đoàn có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tập đoàn mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tập đoàn trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này. - Tập đoàn phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tập	đông ***thực hiện*** theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp. ~~- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tập đoàn hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Tập đoàn có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tập đoàn mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tập đoàn trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.~~ ~~- Tập đoàn phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tập đoàn giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.~~	nghiệp.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		đoàn giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.		
11	Điều 6. Đại hội đồng cổ đông	2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: l) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: … - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp	2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: l) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp ***hoặc người khác ký tên trên biên bản họp*** phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp ***hoặc gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.***	Bổ sung để phù hợp với quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 2, khoản 3 Điều 23 Điều lệ Tập đoàn.
12	Điều 7. Báo	2. Thù lao, chi phí hoạt động và các	2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội	Hiện tại Tập đoàn có ban

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn	đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy ***định pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn*** ~~tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn~~.	hành quy định cụ thể về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, tiền thưởng của thành viên HĐQT, TGĐ, KSV… theo đó việc sửa đổi này là cần thiết để đảm bảo phù hợp với thực tế.
13	Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	4. Báo cáo về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch	4. Báo cáo về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con~~, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ~~ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch	Bỏ để phù hợp định nghĩa về Công ty con tại khoản 1 Điều 2 Quy chế.
14	Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại	5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);	5. Hoạt động của thành viên ***độc lập*** Hội đồng quản trị ~~độc lập~~ và kết quả đánh giá của ***từng*** thành viên độc lập ***Hội đồng quản trị*** về hoạt động của Hội đồng quản trị ~~(nếu có)~~;	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Đại hội đồng cổ đông thường niên			Ngoài ra, sửa đổi để thống nhất cụm từ "thành viên độc lập Hội đồng quản trị" tại Quy chế.
15	Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn	3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định ***pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn***.~~tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;~~	Hiện tại Tập đoàn có ban hành quy định cụ thể về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, tiền thưởng của thành viên HĐQT, TGĐ, KSV... theo đó việc sửa đổi này là cần thiết để đảm bảo phù hợp với thực tế.
16	Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt là thành viên sáng lập	4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con~~, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ~~ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;	Bỏ để phù hợp định nghĩa về Công ty con tại khoản 1 Điều 2 Quy chế.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;		
17	Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị: b. Có đơn từ chức;	6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị: b. Có đơn từ chức ***và được chấp thuận***;	Bổ sung để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
18	Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.	3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn ~~không~~ ***chỉ*** được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị ***hoặc Hội đồng thành viên*** tại ~~quá~~ ***tối đa*** năm (05) công ty khác.	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.
19	Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. ***Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.***	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
20	Điều 12.	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự	Khoản 3, 4: Sửa đổi, bổ

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Thành phần Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị	trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành. 4. Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị. 5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn phải đáp ứng yêu cầu sau; - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp có số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. ~~Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành. 4.~~ Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. ~~5. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đáp ứng yêu cầu sau;~~ ~~- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;~~ ~~- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;~~ ~~- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp có số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên~~ ***4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.***	sung để phù hợp với quy định tại Điều 26 Điều lệ Tập đoàn và Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Khoản 4: bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
21	Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty.	9. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, ***người phụ trách quản trị công ty*** và người quản lý khác của công ty.	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.
22	Điều 16. Họp Hội đồng quản trị	1. Thông báo họp Hội đồng quản trị: a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình nghị sự, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của các thành viên.	1. Thông báo họp Hội đồng quản trị: a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ~~ba~~ ***năm*** (~~03~~ ***05***) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình nghị sự, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của các thành viên.	Sửa đổi để thống nhất với quy định tại Điều 30 Điều lệ Tập đoàn
23	Điều 16. Họp Hội đồng quản trị	2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:	2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt	Chỉnh sửa, bổ sung để rõ nghĩa hơn và phù hợp với Khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). ***Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết*** nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
24	Điều 17. Các ủy ban của Hội đồng quản trị	2. Cơ cấu của các Ủy ban: Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Tập đoàn. 3. Tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban, Chủ nhiệm Ủy ban a. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. b. Tiêu chuẩn cụ thể của các thành viên Ủy ban sẽ được Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban. 4. Việc thành lập Ủy ban, trách	2. Cơ cấu của các Ủy ban: Số lượng ~~thành~~ ***ủy*** viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Tập đoàn. 3. Tiêu chuẩn ~~thành~~ ***ủy*** viên của Ủy ban~~, Chủ nhiệm Ủy ban~~ ~~a. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.~~ ~~b.~~ Tiêu chuẩn cụ thể của các ~~thành~~ ***ủy*** viên Ủy ban sẽ được Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban. 4. Việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của các Ủy ban và từng ***ủy*** ~~thành~~ viên. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và trách nhiệm của từng ***ủy*** ~~thành~~ viên tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban	Chỉnh sửa để phù hợp Điều lệ Tập đoàn và tình hình thực tế tại Tập đoàn.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		nhiệm của các Ủy ban và từng thành viên. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.	thuộc Hội đồng quản trị.	
25	Điều 18. Người phụ trách quản trị Tập đoàn	4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau: ... k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn.	4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau: ... k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ ***và các quy định của*** Tập đoàn.	Chỉnh sửa, bổ sung để chặt chẽ hơn.
26	Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý	Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm/Chi nhánh/ Chánh Văn phòng và các chức danh khác.	Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc~~/Phó Giám đốc Khối/Ban Trung tâm/Chi nhánh~~, ~~Giám đốc~~***Người đứng đầu các Ban/*** ~~Chánh~~Văn phòng***/Chi nhánh/Trung tâm (và tương đương)*** và các chức danh khác.	Phù hợp với mô hình tổ chức mới của Tập đoàn.

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
27	Điều 27. Người điều hành doanh nghiệp	2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.	2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc ***thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Quy chế này*** ~~do Hội đồng quản trị quyết định~~ và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.	Đã được quy định cụ thể tại Điều 25
28	Điều 32. Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc	2. Trong phạm vi thẩm quyền, quyết định phân cấp và ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các Giám đốc Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Chánh Văn phòng tổ chức triển khai công việc nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.	2. Trong phạm vi thẩm quyền, quyết định phân cấp và***/hoặc*** ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, ***người đứng đầu*** ~~**hoặc các Giám đốc Ban**~~ ***Khối, Chi nhánh, Ban,*** Trung tâm, ~~/Chi nhánh/Chánh~~ Văn phòng tổ chức triển khai công việc nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con, ~~và~~ Doanh nghiệp ***và Quỹ đầu tư*** có vốn góp của Tập đoàn.	Phù hợp với mô hình tổ chức mới của Tập đoàn.
29	Điều 33. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên Công ty con do	1. Hội đồng thành viên nhân danh Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Hội đồng thành viên nhân danh Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu ***tại Công ty con*** theo quy định của pháp luật ~~hiện hành~~***và quy định nội bộ của Tập đoàn***.	Bổ sung để đảm bảo rõ nghĩa

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ			
30	Điều 35. Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt	3. Các Công ty Con và đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt được ưu tiên trong việc sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư tập trung như hệ thống công nghệ thông tin, trụ sở làm việc và các cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật khác; sử dụng các dịch vụ trong nội bộ Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt theo định hướng của Tập đoàn Bảo Việt như: dịch vụ bảo hiểm, hỗ trợ bán chéo sản phẩm, hoạt động đầu tư, dịch vụ quản lý và kinh doanh bất động sản, dịch vụ Công nghệ thông tin, dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các dịch vụ khác trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận. Giá cả sử dụng tiện ích nội bộ theo chính sách do Tập đoàn Bảo Việt ban hành trên cơ sở quy định của pháp luật;	Viết lại nội dung Khoản này như sau: ***3. Các Công ty con của Tập đoàn được ưu tiên sử dụng các dịch vụ về công nghệ thông tin, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đầu tư tài chính, quản lý quỹ, trụ sở văn phòng làm việc, truyền thông thương hiệu, đề án hợp lực Tập đoàn, cơ sở vật chất kỹ thuật... do Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt cung cấp***	Nội dung này được viết lại để đảm bảo phù hợp với thực tế tại Tập đoàn.

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)

(Được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt thông qua tại Nghị quyết số /2026/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày tháng năm 2026)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Mục đích, đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng 4
Điều 2. Giải thích từ ngữ 4
Điều 3. Nguyên tắc quản trị Tập đoàn 6
CHƯƠNG II.CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 7
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông 7
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông lớn 7
Điều 6. Đại hội đồng cổ đông 7
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 12
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 13
Điều 9. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập 13
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 14
Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 14
Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị 16
Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị 16
Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 17
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 18
Điều 15. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 19
Điều 16. Họp Hội đồng quản trị 19

Điều 17. Các Ủy ban của Hội đồng quản trị 21

Điều 18. Người phụ trách quản trị Tập đoàn 22

CHƯƠNG IV. KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT 23

Điều 19. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên 23

Điều 20. Kiểm soát viên 25

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên 25

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 25

Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát 26

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TẬP ĐOÀN 26

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý 26

Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc; nhiệm kỳ và tiêu chuẩn Tổng Giám đốc 26

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc 27

Điều 27. Người điều hành doanh nghiệp 27

CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN ĐỐI VỚI CÔNG TY CON VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP CỦA TẬP ĐOÀN 28

Điều 28. Quyền của Tập đoàn 28

Điều 29. Phương thức thực hiện quyền của Tập đoàn 28

Điều 30. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Tập đoàn trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn 28

Điều 31. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị 29

Điều 32. Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc 29

Điều 33. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ 30

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Người Đại diện tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn 30

Điều 35. Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt 31

CHƯƠNG VII. KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ 32

Điều 36. Hệ thống Kiểm soát nội bộ 32

Điều 37. Nguyên tắc kiểm soát nội bộ 32

Điều 38. Kiểm toán nội bộ 33

CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC; HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT 33

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp/nghị quyết, xin ý kiến 34

Điều 40. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị 34

Điều 41. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao 35

Điều 42. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên 35

Điều 43. Đánh giá hàng năm đối với thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác 35

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 36

Điều 44. Hiệu lực của Quy chế 36

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này được xây dựng và ban hành theo quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, đồng thời cân nhắc và áp dụng các thông lệ tốt được chấp nhận rộng rãi trên thế giới về quản trị công ty phù hợp với điều kiện tại Tập đoàn và môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Quy chế này được ban hành với mục đích nhằm thực thi một chính sách rõ ràng về quản trị công ty và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Tập đoàn. Quy chế này quy định (i) những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tập đoàn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông; (ii) các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; (iii) trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; (iv) đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc; (v) quy định về việc quản trị của Tập đoàn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn; (vi) quy định về việc kiểm soát nội bộ của Tập đoàn và các nội dung khác trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp và Người Đại diện của Tập đoàn tại các Công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt" là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác, bao gồm có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác.

"Tập đoàn Bảo Việt" hoặc ***"Tập đoàn"*** là Công ty Mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty con là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn: (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) Vốn Điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Thành viên/Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

của công ty đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn Bảo Việt nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Công ty con từ 20% đến dưới 50% tổng vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó mà không có thỏa thuận khác và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Tập đoàn.

Người điều hành doanh **nghiệp** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm.

Người quản lý doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng quản trịthành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn.

Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Quy chế này.

Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tập đoàn.

Cổ đông lớn là Cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Cơ quan Nhà nước là bất kỳ và toàn bộ các cơ quan sau đây của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, Tổng cục, Uỷ ban nhân dân các cấp và các cơ quan, ban ngành hay đơn vị của các đối tượng trên, và bất kỳ và tất cả các ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, cơ quan hay quan chức khác mà theo ý kiến của Tập đoàn thì sự chấp thuận, phê duyệt, đăng ký, cam kết, tham gia hay xin ý kiến của họ là cần thiết hoặc nên có cho bất kỳ việc hay vấn đề gì được nêu hay dự liệu trong Quy chế này.

Hội đồng quản trị là Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tập đoàn.

Tổng Giám đốc là Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.

Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.

Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội

nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.

Người Đại diện là các cá nhân được Tập đoàn ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền và trách nhiệm của Tập đoàn đối với phần vốn của Tập đoàn đầu tư tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư có vốn góp của Tập đoàn.

Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tập đoàn Bảo Việt trong các trường hợp được quy định tại Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt.

Hội đồng thành viên là hội đồng thành viên của công ty do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.

Pháp luật là tất cả các hiến pháp, hiệp ước, lệnh, luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quyết định, quy chế, thông tư và các văn bản khác có hiệu lực pháp luật do Cơ quan Nhà nước ban hành, được áp dụng cho Tập đoàn (bao gồm cả Quyết định số 310/2005/QĐ/TTg ngày 28/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 945/2007/QĐ-BTC ngày 07/3/2007 của Bộ Tài chính) và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Trong trường hợp các quy định của Điều lệ Tập đoàn và các văn bản pháp luật đã có sự thay đổi điều chỉnh mới mà Quy chế này chưa cập nhật hoặc dẫn đến những quy định trong Quy chế này không còn phù hợp thì những quy định mới đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Tập đoàn

1. Quản trị Tập đoàn là những biện pháp nội bộ để quản trị và kiểm soát Tập đoàn, liên quan tới các mối quan hệ giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp và Người điều hành doanh nghiệp với các bên có quyền lợi liên quan. Quản trị Tập đoàn nhằm tạo ra một cơ chế và quá trình để đề ra các mục tiêu của Tập đoàn và xác định các phương tiện để đạt những mục tiêu đó, cũng như để giám sát kết quả hoạt động của Tập đoàn một cách hiệu quả.

2. Việc quản trị của Tập đoàn tuân thủ quy định của pháp luật và các nguyên tắc sau đây:

a. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;

b. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Tập đoàn và cổ đông;

c. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;

d. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn;

e. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Tập đoàn;

f. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Tập đoàn; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông lớn

Cổ đông lớn có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Tập đoàn và của các Cổ đông khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 15 Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tập đoàn.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận

và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

b) Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của Pháp luật;

- Tập đoàn lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- Trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có: (i) thông tin về Cổ đông, nếu Cổ đông là cá nhân phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; nếu Cổ đông là tổ chức phải có tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính và (ii) số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ đông.

c) Thông báo triệu tập/họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Thời gian gửi thông báo họp: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

- Cách thức gửi thông báo họp: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

d) Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

- Chương trình và tài liệu Đại hội đồng cổ đông: Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị để gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

+ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

+ Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

+ Phiếu biểu quyết;

+ Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

- Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Tập đoàn.

e) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc Cổ đông ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 16 Điều lệ của Tập đoàn.

- Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ.

- Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Tập đoàn cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại người diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Trường hợp Cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay khi đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

f) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Tập đoàn.

g) Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu:

- Hội đồng quản trị xây dựng và thông qua quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bao gồm quy định về cách thức bỏ phiếu, biểu quyết thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc quy định về việc bầu dồn phiếu trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- Cổ đông bỏ phiếu, biểu quyết theo cách thức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

h) Cách thức kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

- Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Tập đoàn theo phương thức bầu dồn phiếu, sau khi Cổ đông bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu kiểm phiếu và thông báo kết quả bầu lên Chủ tọa để thông báo cho toàn thể Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu trong biên bản kiểm phiếu, trong đó: ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.

i) Điều kiện để nghị quyết được thông qua: thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

j) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.

k) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

l) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Thư ký Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông theo cách quy định tại Điều 23 Điều lệ Tập đoàn. Biên bản phải có một số nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

+ Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu

bầu tương ứng;

+ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

+ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham gia dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

m) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tập đoàn.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Trình tự, thủ tục và các vấn đề lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản

a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 12 Điều 20 của Điều lệ Tập đoàn, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn.

b) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Tập đoàn.

4. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng hội nghị trực tuyến

Các công nghệ sau có thể được sử dụng để tổ chức một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Video; (ii) Điện thoại; (iii) Công nghệ khác cho phép mỗi Cổ đông giao tiếp với từng Cổ đông khác; hoặc (iv) Kết hợp các công nghệ này.

Trường hợp tất cả các Cổ đông không cùng dự họp tại một địa điểm trong một cuộc họp sử dụng công nghệ và mỗi Cổ đông có thể giao tiếp với các Cổ đông khác

thì các Cổ đông tham gia được xem là tập hợp cùng nhau tại một cuộc họp và trực tiếp có mặt tại cuộc họp đó và mọi tiến trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo cách đó là hợp pháp và có hiệu lực như được tiến hành tại một cuộc họp mà tất cả các Cổ đông thực tế có mặt tại cùng một địa điểm.

Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước cuộc họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Hàng năm Tập đoàn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Tập đoàn không được sử dụng việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thay cho việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên cần tuân theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị Tập đoàn và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn;

3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

4. Báo cáo về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

5. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;

6. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;

7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

8. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

9. Các kế hoạch hoạt động trong tương lai.

Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó nhưng chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ động tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên cần tuân theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp;

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn;

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Tập đoàn;

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;

7. Các kế hoạch hoạt động trong tương lai.

Điều 9. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được mời phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm hoặc trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có

các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 25, Điều 26 Điều lệ Tập đoàn. Theo đó, trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Tập đoàn và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp..

3. Công bố thông tin ứng viên Hội đồng quản trị:

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

đ. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn Bảo Việt và các bên có liên quan của Tập đoàn;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn:

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

a. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc bầu dồn phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g.Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

h. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thông báo về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Cổ đông cùng thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

b. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

8. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Tập đoàn quy định tại Quy chế quản trị của Tập đoàn. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử theo quy định pháp luật.

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ đông của Tập đoàn.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Tập đoàn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ bảy (07) đến mười một (11) thành viên (hoặc một số lượng khác phù hợp với pháp luật tại từng thời điểm), số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và có xét yếu tố về giới.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không

được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Tập đoàn.

b.Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản trị doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là Người Đại diện của Tập đoàn.

e. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị; phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020 và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và

điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của Tập đoàn.

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của Người có liên quan đến Tập đoàn.

3. Đảm bảo hoạt động của Tập đoàn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tập đoàn.

4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

5. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình Đại hội đồng cổ động thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Bảo Việt.

6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.

7. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

8. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

9. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.

10. Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn Người điều hành doanh nghiệp;

- Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;

- Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp;

- Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;

- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.

b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

- Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

11. Xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 15. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 28 Điều lệ Tập đoàn và các quy định khác có liên quan.

Điều 16. Họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 30 Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này, cụ thể như sau:

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình nghị sự, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của các

thành viên.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tập đoàn. Thành viên Ban kiểm soát được quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b.Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

b. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành nghị quyết trên cơ sở tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là phiếu quyết định;

b. Trừ quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

c. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

d. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

e. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Tập đoàn được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản cuộc họp thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

a. Nghị quyết Hội đồng quản trị được chuyển đến các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

b. Đối với các Nghị quyết về các vấn đề cần công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Tập đoàn thực hiện việc công bố thông tin theo quy định Pháp luật.

Điều 17. Các Ủy ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, quy định cụ thể như sau:

1. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và/hoặc các Ủy ban khác.

2. Cơ cấu của các Ủy ban:

Số lượng ủy viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Tập đoàn.

3. Tiêu chuẩn ủy viên của Ủy ban:

Tiêu chuẩn cụ thể của các ủy viên Ủy ban sẽ được Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban.

4. Việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của các Ủy ban và từng ủy viên:.

Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và trách nhiệm của từng ủy viên tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.

Điều 18. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và Cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Tập đoàn.

5. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IV. KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên được quy định cụ thể tại Điều 36, Điều 37 Điều lệ Tập đoàn. Theo đó,trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn

2. Cách thức cổ đông, nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn:

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

a. Bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc bầu dồn phiếu để bầu Kiểm soát viên được quy định trong Quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

4. Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm Kiểm soát viên:

a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Tập đoàn và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn.

b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

a. Thông báo về việc bầu Kiểm soát viên phải được gửi đến các cổ đông cùng thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Điều 6 Quy chế này.

b. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Kiểm soát viên không còn tư cách Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Khoản 4 Điều này.

6. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát:

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 20. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên có thể không phải là Cổ đông của Tập đoàn.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;

b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền tiếp cận thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của các Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tập đoàn xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ Kiểm soát viên hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối, Người đứng đầu các Ban/Văn phòng/Chi nhánh/Trung tâm (và tương đương) và các chức danh khác.

Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc; nhiệm kỳ và tiêu chuẩn

Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tập đoàn.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Việc chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Tập đoàn.

4. Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Tập đoàn, các công ty thành viên của Tập đoàn và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

5. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế này, các quy định nội bộ khác của Tập đoàn và Hợp đồng lao động.

Điều 27. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tập đoàn được tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Tập đoàn do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Quy chế này và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

3. Hội đồng quản trị quy định cụ thể trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp của Tập đoàn tại quy chế nội bộ.

CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN ĐỐI VỚI CÔNG TY CON VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 28. Quyền của Tập đoàn

Tập đoàn là Chủ sở hữu của các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ và là chủ sở hữu phần vốn góp của Tập đoàn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Tập đoàn, Điều lệ Công ty con, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định khác có liên quan.

Điều 29. Phương thức thực hiện quyền của Tập đoàn

Tập đoàn, các Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn là các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân.

Tập đoàn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là Chủ sở hữu, Cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan, cụ thể:

1. Đối với Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ:

a) Tập đoàn là Chủ sở hữu của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ;

b) Tập đoàn thực hiện quyền Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn và thông qua Hội đồng thành viên để thực hiện các quyền của Chủ sở hữu.

2. Đối với Công ty con do Tập đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ: Tập đoàn thực hiện quyền của Cổ đông, thành viên góp vốn thông qua Người Đại diện của Tập đoàn tại Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty con đó và các quy định khác có liên quan.

3. Đối với doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn: Tập đoàn cử Người Đại diện quản lý phần vốn góp hoặc trực tiếp thực hiện quyền của Cổ đông hoặc thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật, Quy chế này, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn.

Điều 30. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Tập đoàn trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn

Quyền và trách nhiệm của Tập đoàn trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn được phân công và phân cấp giữa:

1. Hội đồng quản trị;

2. Tổng Giám đốc;

3. Hội đồng thành viên công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn; Người Đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp của Tập đoàn.

Điều 31. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ giữa Tập đoàn và doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, các quy định nội bộ của Tập đoàn, Điều lệ Công ty con, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quyết định phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc trong việc nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

3. Quyết định cử, bổ nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng thành viên tại các công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, Người Đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ; quyết định phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng thành viên, Người Đại diện quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

4. Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tập đoàn do Hội đồng quản trị ban hành.

5. Trong phạm vi thẩm quyền, ban hành các Quy chế, Quy định của Tập đoàn để cụ thể hóa việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Tập đoàn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

6. Các quyền khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con và Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 32. Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định đối với những nội dung thuộc quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp

của Tập đoàn.

2. Trong phạm vi thẩm quyền, quyết định phân cấp và/hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, người đứng đầu Khối, Chi nhánh, Ban, Trung tâm, Văn phòng tổ chức triển khai công việc nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con, Doanh nghiệp và Quỹ đầu tư có vốn góp của Tập đoàn.

3. Trong phạm vi thẩm quyền, ban hành các văn bản của Tập đoàn để cụ thể hóa việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Tập đoàn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

4. Các quyền, trách nhiệm khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, Quy chế này và các quy định nội bộ khác có liên quan của Tập đoàn.

Điều 33. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ

1. Hội đồng thành viên nhân danh Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại Công ty con theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tập đoàn về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo các quy định pháp luật, quy định nội bộ liên quan của Tập đoàn và quy định tại Điều lệ Công ty con.

3. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai chiến lược, nghị quyết, quyết định của Tập đoàn (với vai trò là Chủ sở hữu) tại Công ty con.

4. Đề xuất để Tập đoàn xem xét quyết định những nội dung thuộc quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với vai trò là Chủ sở hữu Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty con và quy định của Tập đoàn hoặc chấp thuận đối với các nội dung phải xin ý kiến theo quy định của Tập đoàn.

5. Chủ động quyết định các nội dung không thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận củaTập đoàn theo nguyên tắc bảo đảm tối đa lợi ích của Tập đoàn, Công ty con và tuân thủ các quy định pháp luật, các quy định của Tập đoàn và quy định nội bộ của Công ty con có liên quan.

6. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của Tập đoàn.

7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Người Đại diện tại Công ty con do Tập

đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn

1. Thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn của Tập đoàn theo phạm vi ủy quyền.

2. Tham gia quản trị tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Điều lệ của Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ của Tập đoàn.

3. Chịu trách nhiệm triển khai chiến lược, nghị quyết, quyết định của Tập đoàn đối với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và lợi ích của các cổ đông và các bên liên quan.

4. Xin ý kiến chấp thuận của Tập đoàn trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định đối với các nội dung phải xin ý kiến theo quy định của Tập đoàn.

5. Chủ động tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định các nội dung không thuộc các trường hợp phải báo cáo xin ý kiến Tập đoàn theo nguyên tắc bảo đảm tối đa lợi ích của Tập đoàn và Công ty con hoặc Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và tuân thủ các quy định có liên quan.

6. Giám sát hoạt động của Công ty con do Tập đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định nội bộ hoặc theo yêu cầu của Tập đoàn.

7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn.

Điều 35. Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt

1. Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân vì lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

2. Tập đoàn quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh, nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, phát huy hiệu quả hoạt động chung toàn Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

3. Các Công ty con của Tập đoàn được ưu tiên sử dụng các dịch vụ về công nghệ thông tin, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đầu tư tài chính, quản lý quỹ, trụ sở văn phòng làm việc, truyền thông thương hiệu, đề án hợp lực Tập đoàn, cơ sở

vật chất kỹ thuật... do Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt cung cấp.

4. Hội đồng thành viên, Người Đại diện trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm triển khai các chính sách, định hướng phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên nhằm phát huy hiệu quả hoạt động chung của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

CHƯƠNG VII. KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 36. Hệ thống Kiểm soát nội bộ

1. Kiểm soát nội bộ là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt thiết lập, được áp dụng trong phạm vi Tập đoàn, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tập đoàn trong việc đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

2. Tập đoàn tổ chức xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, phân công trách nhiệm thực hiện, thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ nhằm bảo đảm giám sát hiệu quả sự tuân thủ các quy định pháp luật, các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, các quy định nội bộ và các quy trình hoạt động.

3. Các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm:

a. Môi trường kiểm soát;

b. Quy trình đánh giá rủi ro;

c. Hệ thống thông tin;

d. Các hoạt động kiểm soát;

e. Giám sát các kiểm soát;

f. Các nội dung khác có liên quan.

Điều 37. Nguyên tắc kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn phải được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Hoạt động kiểm soát nội bộ phải được thiết lập, duy trì đối với mọi hoạt động của Tập đoàn, trong đó tăng cường kiểm soát đối với các hoạt động, nghiệp vụ có rủi ro cao.

2. Lãnh đạo các cấp của Tập đoàn đều phải nhận dạng, đánh giá rủi ro trong hoạt động để có biện pháp kiểm soát rủi ro, quản lý rủi ro thích hợp.

3. Hoạt động kiểm soát nội bộ gắn liền với các hoạt động hàng ngày của Tập đoàn; cơ chế kiểm soát nội bộ được quy định và tổ chức thực hiện ngay trong quy trình nghiệp vụ dưới nhiều hình thức như:

a. Cơ chế phân cấp uỷ quyền được thiết lập và thực hiện một cách hợp lý, phân công nhiệm vụ phải rõ ràng, minh bạch; đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích, đảm bảo một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chồng chéo với nhau; đảm bảo cán bộ trong Tập đoàn không có điều kiện để thao túng hoạt động, che giấu thông tin phục vụ các mục đích cá nhân hoặc che giấu các hành vi vi phạm quy định của pháp luật và các quy chế, cơ chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ có liên quan.

b. Cơ chế kiểm tra, giám sát giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình xử lý quy trình nghiệp vụ.

c. Tuân thủ nguyên tắc kiểm soát kép. Nguyên tắc kiểm soát kép là yêu cầu trong việc phân công nhiệm vụ có ít nhất hai người thực hiện và kiểm tra đối với một công việc nhằm đảm bảo an toàn tài sản và hiệu quả công tác. Không để một cá nhân nào có thể thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch cho phép phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Đảm bảo mọi cán bộ đều phải quán triệt được tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát nội bộ và vai trò của từng cá nhân trong quá trình kiểm soát nội bộ; đồng thời phải tham gia thực hiện một cách đầy đủ, có hiệu quả các quy định, quy trình nghiệp vụ có liên quan. Hội đồng thành viên Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, Người Đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định về kiểm soát nội bộ của Tập đoàn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

Điều 38. Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn, cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn trong việc đạt được các mục tiêu.

CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC; HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ,

KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp/nghị quyết, xin ý kiến

1. Hội đồng quản trị mời các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tùy từng nội dung có thể mời thêm Tổng Giám đốc, Người điều hành khác tham dự.

Các khách mời này có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Ý kiến của khách mời có thể được sử dụng để tham khảo nhưng không bắt buộc phải ghi nhận tại biên bản cuộc họp. Trình tự thủ tục triệu tập họp Hội đồng quản trị, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Điều 16 Quy chế này và các quy định nội bộ khác của Tập đoàn. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

Khi có yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Phù hợp với quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có thể được mời tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban kiểm soát, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Nghị quyết/Quyết định Ban kiểm soát được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

Điều 40. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Tập đoàn hoặc quyền lợi của Tập đoàn, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của Tập đoàn tại ngân hàng bị phong toả hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Tập đoàn; Tập đoàn có các hoạt động trái quy định của pháp luật; Tập đoàn bị đình chỉ

kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Có quyết định khởi tố đối với thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Tập đoàn vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; Tập đoàn có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; các vấn đề tương tự phát sinh tại các Công ty con của Tập đoàn.

Điều 41. Báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao

1. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định .... làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho Hội đồng quản trị kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của HĐQT khi được yêu cầu.

Điều 42. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

Điều 43. Đánh giá hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trình báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

2. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên.

4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Tập đoàn từng thời kỳ.

5. Xử lý vi phạm và kỷ luật

a) Đại hội đồng cổ đông xem xét và xử lý vi phạm đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

b) Hội đồng quản trị có thẩm quyền xử lý vi phạm và quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

c) Nguyên tắc xử lý vi phạm, kỷ luật; các hình thức xử lý vi phạm, kỷ luật; trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Tập đoàn từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực của Quy chế

1. Trong trường hợp nội dung Quy chế này có sự khác biệt so với Điều lệ Tập đoàn và/hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì Điều lệ Tập đoàn và/hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được ưu tiên áp dụng.

2. Trường hợp các quy định pháp luật về quản trị áp dụng đối với Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có sự thay đổi, khác với nội dung Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức sửa đổi, bổ sung Quy chế này và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày .../.../–2026 tức thời điểm được Đại hội đồng cổ đông 2026 của Tập đoàn biểu quyết thông qua.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Q. CHỦ TỊCH

Nguyễn Thừa Nhật